

Số: 103 /KH-UBND

Đại Sơn, ngày 31 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch hành động số 26-KH/ĐU, ngày 03/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại xã Đại Sơn

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 26-KH/ĐU, ngày 03/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Đại Sơn về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch thực hiện Kế hoạch hành động số 26-KH/ĐU, ngày 03/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Đại Sơn về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại xã Đại Sơn, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai và cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, gắn với Kế hoạch hành

động của Đảng ủy xã, nhằm nâng cao nhận thức, tạo quyết tâm chính trị mạnh mẽ trong toàn xã về vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cấp cơ sở.

- Tập trung ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp, dịch vụ công, quản lý hành chính xã; thúc đẩy kinh tế hộ gia đình, hợp tác xã; nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp.

- Tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nguồn nhân lực số, chính quyền số tại xã, góp phần phát triển bền vững thành phố Hải Phòng.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động của Đảng ủy xã; triển khai đồng bộ, không dàn trải, hình thức; ưu tiên các mô hình thí điểm, đánh giá hiệu quả trước nhân rộng, phù hợp thực tiễn xã Đại Sơn với trọng tâm nông nghiệp và dịch vụ cơ sở.

- Phân công trách nhiệm cụ thể, gắn KPIs, giám sát định kỳ; phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy, MTTQ, các thôn, nhân dân và các Sở ngành liên quan trong triển khai kế hoạch.

- Ưu tiên ngân sách xã kết hợp xã hội hóa; đảm bảo công khai, minh bạch, tránh lãng phí; chủ động sáng tạo, khuyến khích thử nghiệm mô hình mới.

- Tập trung hoàn thành các mục tiêu đề ra thông qua việc hoàn thiện chính sách cơ sở để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại xã.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành công cụ thiết thực để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cấp xã; cải cách thủ tục hành chính; nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, hợp tác xã; cải thiện chất lượng dịch vụ công cho người dân; góp phần phát triển kinh tế - xã hội xã Đại Sơn theo hướng hiện đại, bền vững và phù hợp chiến lược phát triển của thành phố Hải Phòng.

- Xây dựng chính quyền số cơ sở, kinh tế số nông thôn, xã hội số tại xã; nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng phục vụ; cung cấp dịch vụ công trực tuyến tiện ích cho người dân, hộ kinh doanh, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững trong mô hình chính quyền hai cấp.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Các chỉ tiêu theo Nghị quyết 71/NQ-CP: Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy, UBND thành phố, Kế hoạch của

Đảng ủy xã, UBND xã phân công việc theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu cụ thể cho các cơ quan, đơn vị.

(Chi tiết tại Phụ lục 1).

2.2. Các chỉ tiêu đánh giá theo giai đoạn 5 năm: Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, UBND xã xác định các mục tiêu cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện theo giai đoạn (đến hết năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045); tập trung thực hiện các mục tiêu về: (1) Phát triển hạ tầng; (2) Phát triển nguồn lực; (3) Phát triển hệ sinh thái mới; (4) Phát triển chuyển đổi số.

(Chi tiết tại Phụ lục 2).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1.1. Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Kế hoạch hành động của Thành ủy, UBND thành phố, Đảng ủy xã theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua loa truyền thanh nhóm Zalo, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác, phù hợp với điều kiện của địa phương.

1.2. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Kế hoạch hành động của Thành ủy, UBND thành phố, Đảng ủy xã theo hướng “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị; định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm tại xã.

1.3. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; giao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm, gắn với mô hình chính quyền hai cấp.

1.4. Rà soát tiêu chuẩn chức danh công chức, lãnh đạo quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước tại xã, phân đấu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn

vị; đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, với trọng tâm “Thôn thông minh - Dân thông thái”.

1.5. Phát động phong trào thi đua trong toàn xã để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của cộng đồng hộ kinh doanh, nông dân và Nhân dân trên địa bàn xã thực hiện thắng lợi Kế hoạch. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các hộ kinh doanh, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc; Phát động phong trào sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và hộ gia đình.

1.6. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch này, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, với cơ chế giám sát định kỳ từ các thôn đến chính quyền xã.

2. Khẩn trương, quyết liệt rà soát đề nghị hoàn thiện thể chế; xóa bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Chủ động rà soát, kiến nghị thành phố tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao tại xã, bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số cơ sở.

2.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, nông dân trên địa bàn tích cực ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, phù hợp với nông nghiệp địa phương.

2.3. Phối hợp đề xuất, triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, ưu tiên thí điểm các mô hình trước khi nhân rộng.

2.4. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ cấp trên ban hành, hướng tới mục tiêu phát triển đến năm 2030 tại xã.

2.5. Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong mô hình chính quyền hai cấp.

2.6. Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, hộ kinh doanh, hoạt động công vụ (đất đai, hộ tịch, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để triển khai thực hiện có hiệu quả việc cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, hộ kinh doanh tại xã theo quyết định của thành phố.

2.7. Tăng cường rà soát quy trình, đề xuất các phương án đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, đất đai, hộ kinh doanh; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi xã và phối hợp với thành phố.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1. Triển khai hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số tại xã; phát triển hạ tầng viễn thông, internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn xã, ưu tiên trung tâm xã và các thôn.

3.2. Khai thác, sử dụng hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số cơ sở.

3.3. Khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội tại xã; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị xã; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, hộ kinh doanh khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo; triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số lĩnh vực quan trọng theo hướng dẫn của thành phố.

3.4. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân tại cấp xã; nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Make in Việt Nam” phù hợp quy mô cơ sở.

3.5. Triển khai các ứng dụng sản phẩm, dịch vụ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân; triển khai ứng dụng các giải pháp tăng cường an ninh dữ liệu. Khuyến khích phát triển các sản phẩm bảo mật, an ninh dữ liệu tại địa phương.

3.6. Đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật ở các cơ quan, đơn vị, thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối các hệ thống thông tin; tăng

cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng; xây dựng kế hoạch, bảo đảm nguồn lực ứng cứu sự cố tại xã.

3.7. Xem xét cân đối, bố trí nguồn lực trong khả năng ngân sách của xã để phục vụ hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới sáng tạo tại địa phương, dành từ 1%-3% tổng chi ngân sách xã hằng năm.

3.8. Vận động, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia xã hội hóa, hỗ trợ nguồn lực cho các hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ và phát triển kinh tế số trên địa bàn, thông qua hợp tác công-tư quy mô nhỏ.

3.9. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, các cơ quan hành chính của xã; bảo đảm điều kiện phục vụ Đề án 06/CP và các nhiệm vụ số hóa dữ liệu, cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại cấp cơ sở.

3.10. Tăng cường kết nối internet ổn định tại các địa điểm như UBND xã, nhà văn hóa các thôn, trường học; hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin và dịch vụ số qua điểm truy cập công cộng.

3.11. Phối hợp đảm bảo an toàn thông tin trong quản lý dữ liệu nội bộ; nâng cao nhận thức và kỹ năng cơ bản cho cán bộ, công chức, người dân trong sử dụng dịch vụ số và phòng chống rủi ro trên không gian mạng, tổ chức các cuộc tập huấn, diễn tập ít nhất 1 lần/năm.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

4.1. Đẩy mạnh thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tại cấp xã, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số cơ sở, với 100% được tập huấn và cấp chứng chỉ.

4.2. Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tại địa phương, đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, lồng ghép giáo dục STEM.

4.3. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số; Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng tại xã.

4.4. Đào tạo kỹ năng số cho người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng. Phát động phong trào “học tập số”, Chương trình “Bình dân học vụ số” nhằm mang lại cơ hội tiếp cận tri thức và nâng cao năng lực học tập cho người dân, đảm bảo tính phổ cập và hiệu quả với 70% hộ dân được hướng dẫn.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao

hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

5.1. Triển khai hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển Chính quyền số tại xã; Phối hợp với thành phố để đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị cơ sở.

5.2. Tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành; thực hiện chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền xã và người dân; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí tại xã.

5.3. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và hộ kinh doanh; phát triển các nền tảng số đảm bảo an toàn, tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

5.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hóa tại địa phương. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hóa, các di sản văn hóa số. Xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

5.5. Triển khai các hệ thống và nền tảng số về giám sát và thu thập dữ liệu môi trường, quản lý tài nguyên, thiên nhiên, nguồn nước, chất thải; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh theo hướng dẫn của thành phố, phù hợp quy mô xã.

5.6. Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, hộ kinh doanh và người dân. Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng; Triển khai các biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng tại xã.

5.7. Đảm bảo hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà

nước. Rà soát, hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, giảm thiểu hồ sơ giấy và giao dịch trực tiếp tại xã.

5.8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số chuyên dùng (phần mềm, phần cứng) phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước tại xã.

5.9. Phối hợp triển khai mô hình “Chính quyền thân thiện, xanh - văn minh - hiện đại” gắn với cải cách hành chính, minh bạch, công khai trong phục vụ Nhân dân tại địa phương.

5.10. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị bảo đảm thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ. Phát triển hạ tầng kết nối dùng chung các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đơn vị thuộc xã.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

6.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, nông dân về vai trò của khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển sản xuất, kinh doanh phù hợp với xu thế cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại cấp cơ sở.

6.2. Phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động tư vấn, tập huấn, hướng dẫn hộ kinh doanh trên địa bàn ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử nhằm thúc đẩy hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số, đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh, thương mại hóa sản phẩm sáng tạo, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị hộ gia đình.

6.3. Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số tại địa phương.

6.4. Vận động, khuyến khích hộ kinh doanh sử dụng phần mềm quản lý, thanh toán không dùng tiền mặt, tham gia các nền tảng bán hàng trực tuyến nhằm nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh, với ít nhất 50% áp dụng.

6.5. Hỗ trợ kết nối hộ kinh doanh với các sàn thương mại điện tử; vận động xây dựng các gian hàng trực tuyến cho sản phẩm OCOP, đặc sản địa phương, với 100% có mã QR và ít nhất 3 sản phẩm lên sàn.

7. Tăng cường phối hợp trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

7.1. Tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương trong và ngoài thành phố (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo; tổ chức học tập kinh

nghiệm các đơn vị, địa phương có mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của xã.

7.2. Phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền, giới thiệu các chương trình, mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn địa phương.

7.3. Tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, triển lãm giới thiệu thành tựu khoa học công nghệ và chuyển đổi số do các cơ quan chuyên môn cấp trên tổ chức. Khuyến khích kết nối, chia sẻ kinh nghiệm trong ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ sản xuất kinh doanh.

7.4. Phối hợp cung cấp thông tin, giới thiệu tiềm năng, sản phẩm đặc thù của địa phương tới các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu hợp tác, ứng dụng công nghệ, phát triển sản xuất, kinh doanh gắn với chuyển đổi số.

8. Tăng cường giám sát, đánh giá

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, tổ chức triển khai Kế hoạch; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức với KPIs rõ ràng, định kỳ họp giao ban (hàng tháng) để rà soát tiến độ, tháo gỡ khó khăn, đảm bảo không hình thức, dàn trải.

- Thực hiện giám sát, phân công trách nhiệm giám sát các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, các thôn trên địa bàn xã. Tổ chức kiểm tra định kỳ (hàng quý) và đột xuất (ít nhất 02 lần/năm) để đánh giá hiệu quả thực hiện; yêu cầu các đơn vị gửi báo cáo tiến độ hàng tháng về UBND xã..

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm chính về kết quả thực hiện tại đơn vị mình; đánh giá dựa trên KPIs; tổng hợp, phân tích báo cáo để điều chỉnh kịp thời; công khai kết quả trên loa truyền thanh xã, bảng tin UBND, nhóm Zalo cộng đồng để tăng minh bạch và tạo đồng thuận xã hội.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2025-2030

Căn cứ Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, Ủy ban nhân dân xã xác định các nhiệm vụ cụ thể về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong giai đoạn 2025- 2030 và phân công cho các cơ quan đơn vị thuộc UBND xã.

(Chi tiết tại Phụ lục 3)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị căn cứ đặc điểm, tình hình, chức năng, nhiệm vụ của ngành đơn vị mình tổ chức quán triệt nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày

22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy; Kế hoạch hành động số 26- KH/ĐU ngày 03/10/2025 của Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung nêu tại Kế hoạch. Định kỳ hàng năm **trước ngày 30/11** hoặc đột xuất khi có yêu cầu, các cơ quan, đơn vị rà soát, báo cáo UBND xã (qua phòng Văn hóa - Xã hội) kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp hướng dẫn việc tuyên truyền, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về UBND xã để chỉ đạo kịp thời.

3. Phòng Kinh tế xã căn cứ cân đối ngân sách địa phương tham mưu UBND xã bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này.

UBND xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND xã (qua phòng Văn hóa - Xã hội) để kịp thời xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Các cơ quan, trường học trên địa bàn;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXX.

(để b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đào Văn Soái

PHỤ LỤC 1
CÁC CHỈ TIÊU THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2025 của UBND xã Đại Sơn)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Đến năm 2030				
1	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử				
1.1	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
1.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
1.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
1.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
1.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
1.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1.7	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của cơ quan, đơn vị	%	100	Văn phòng HĐND&UBND	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
1.8	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng HĐND&UBND	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
1.9	Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng HĐND&UBND	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
2	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 85	Phòng Kinh tế	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
3	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	% tổng chi ngân sách nhà nước	Phấn đấu đạt 3%	Phòng Kinh tế	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
4	Hạ tầng số		Tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, băng thông rộng	Văn phòng HĐND&UBND	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
4.1	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
4.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
5	Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Văn phòng HĐND&UBND	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
6	Hoàn thành xây dựng, thu thập dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Công an xã	Công an thành phố; Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 50	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan
8	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 90	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Y tế; Các đơn vị liên quan
9	Các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo				
9.1	Mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn xã đạt mức 2 trở lên	%	≥ 95 đối với cơ sở giáo dục phổ thông; ≥ 95 đối với cơ sở giáo dục	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục		
9.2	Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên hệ thống sổ sách, sổ điểm	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã
9.3	Cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã
9.4	Cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	95	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã
9.5	Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã
II	Đến năm 2045				
1	Mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn xã đạt mức 2 trở lên	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
2	Cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã
3	Cơ sở giáo dục trung học cơ sở có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã

PHỤ LỤC 2
CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ THEO GIAI ĐOẠN 5 NĂM
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 31/10/2025 của UBND xã Đại Sơn)

STT	Chỉ tiêu	Hết năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
I	Phát triển hạ tầng								
1	Tỷ lệ trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, trường học, trạm y tế có kết nối Internet ổn định	100%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở KH&CN, các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu, biên bản nghiệm thu
2	Tỷ lệ thôn có điểm truy cập Internet công cộng tại Nhà văn hóa	100%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở KH&CN, các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu, biên bản nghiệm thu
3	Phủ sóng 5G tại khu trung tâm xã và mở rộng dần toàn địa bàn	50%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở KH&CN, các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu, bản đồ phủ sóng
4	Phủ sóng 6G trên địa bàn xã	-	-	50%	80%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở KH&CN, các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu, bản đồ phủ sóng

STT	Chỉ tiêu	Hết năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
5	Tỷ lệ điểm làm việc của xã được trang bị máy tính, máy in và hệ thống sao lưu dữ liệu bảo đảm an toàn thông tin	100%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng HĐND&UBND	Sở KH&CN	Báo cáo số liệu, biên bản kiểm kê
6	Tỷ văn hóa thôn được trang bị máy tính, máy in	-	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở KH&CN	Báo cáo số liệu
II	Phát triển nguồn lực								
7	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức xã được tập huấn kỹ năng số cơ bản và được cấp chứng chỉ	100%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Danh sách tập huấn, chứng chỉ cấp
8	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức xã sử dụng thành thạo ứng dụng CNTT trong công việc	80%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng HĐND&UBND	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Khảo sát nội bộ, báo cáo sử dụng
9	Tỷ lệ Trưởng thôn được trang bị kỹ năng số	70%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các thôn, các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
10	Tỷ lệ thôn có Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả	40%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	MTTQ xã; Đoàn Thanh niên	Báo cáo hoạt động hàng quý

STT	Chỉ tiêu	Hết năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
11	Tỷ lệ hộ dân có ít nhất 01 thành viên được hướng dẫn, tập huấn kỹ năng sử dụng dịch vụ số cơ bản	10%	70%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Tổ công nghệ số cộng đồng	Khảo sát hộ dân, biên bản tập huấn
12	Triển khai ít nhất 01 mô hình thôn điểm (“Thôn thông minh - Dân thông thái”)	1 thôn	Tất cả thôn	Tất cả thôn	Tất cả thôn	Tất cả thôn	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo mô hình, biên bản nghiệm thu
13	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	60%	90%	95%	97%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Y tế; Sở GD&ĐT; Công an xã	Báo cáo số liệu từ hệ thống VNeID, khảo sát
14	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...)	-	-	-	80-90%	≥90%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở KH&CN; các cơ quan, đơn vị liên quan, Tổ công nghệ cộng đồng	Khảo sát dân số, báo cáo sử dụng dịch vụ
15	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên	≥75%	≥95%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo đánh giá theo khung Bộ GD&ĐT

STT	Chỉ tiêu	Hết năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
16	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên	≥70%	≥90%	≥95%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở GD&ĐT, cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo đánh giá theo khung Bộ GD&ĐT
17	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	≥90%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở GD&ĐT, cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo hệ thống SMAS, kiểm tra thực tế
18	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp khoa học, kỹ thuật, công nghệ, toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học	≥80%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở GD&ĐT, cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo chương trình giảng dạy
19	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học	-	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở GD&ĐT, cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo chương trình giảng dạy

STT	Chỉ tiêu	Hết năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
20	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục	-	$\geq 95\%$	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở GD&ĐT, cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo chương trình giảng dạy
21	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học	-	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở GD&ĐT	Báo cáo chương trình giảng dạy
III	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo								
22	Số lượng sáng kiến trong xã được công nhận/năm	≥ 2	≥ 5	≥ 6	≥ 7	≥ 8	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định công nhận, báo cáo hàng năm
23	Tỷ lệ hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	5%	20%	$\geq 30\%$	$\geq 60\%$	$\geq 90\%$	Phòng Kinh tế	Hợp tác xã; Hội Nông dân	Khảo sát, báo cáo hàng năm

STT	Chỉ tiêu	Hết năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
24	Hình thành tối thiểu 01 điểm đổi mới sáng tạo/vườn ươm cơ sở kết nối hộ dân - doanh nghiệp - cấp thành phố	1	3	4	5	5	Phòng Kinh tế	Sở KH&CN	Biên bản thành lập, báo cáo hoạt động
IV	Phát triển chuyển đổi số								
25	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	≥70%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng chuyên môn	Báo cáo Cổng DVC quốc gia
26	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	100%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng chuyên môn	Báo cáo Cổng DVC quốc gia
27	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	≥70%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng chuyên môn	Báo cáo Cổng DVC quốc gia
28	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	≥80%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng chuyên môn	Báo cáo hệ thống số hóa

STT	Chỉ tiêu	Hết năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
29	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	100%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng chuyên môn	Báo cáo Cổng DVC quốc gia
30	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	≥70%	≥85%	≥95%	100%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng chuyên môn	Báo cáo Cổng DVC quốc gia
31	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông tới Thành phố, Trung ương	≥50%	80%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở KH&CN	Báo cáo kết nối LGSP
32	Tỷ lệ dữ liệu của xã được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	≥60%	85%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở KH&CN	Báo cáo kết nối LGSP
33	Tỷ lệ hộ kinh doanh địa phương ứng dụng công nghệ số	≥30%	60%	≥85%	≥95%	100%	Phòng Kinh tế	Sở KH&CN; Hợp tác xã	Khảo sát, báo cáo hàng năm
34	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	-	10%	20%	30%	40%	Công an xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo C06 - Bộ Công an
35	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	≥70%	85%	≥95%	100%	100%	Công an xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo C06 - Bộ Công an

STT	Chỉ tiêu	Hết năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
36	Tỷ lệ các cơ quan thuộc Đảng ủy, UBND xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	100%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng HĐND&UBND	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo hệ thống quản lý

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 31/10/2025 của UBND Xã Đại Sơn)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia			
1	Triển khai thực hiện chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung và có mục tiêu cụ thể	Phòng Văn hoá - Xã hội, Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã	Tháng 10/2025
2	Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội	Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã	Thường xuyên
3	Xây dựng kế hoạch thực hiện, cụ thể hóa nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung và có mục tiêu cụ thể của UBND xã	Văn phòng HĐND&UBND	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã	Thường xuyên
4	Phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã	Thường xuyên
5	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân			
6	Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức trong đó có đào tạo về kiến thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã	Tháng 11/2025
7	Triển khai Quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức người lao động	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã	Sau khi thành phố ban hành bộ quy tắc
II	Khẩn trương quyết liệt hoàn thiện thể chế, xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển, đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1	Rà soát các quy định pháp luật liên quan về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc xã; Công an xã	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ; tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc xã; Công an xã	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
3	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc xã; Công an xã	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp, triển khai tiếp cận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố			
4	Xây dựng kế hoạch để phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn tiếp theo	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã	Giai đoạn 2025-2030
5	Phối hợp với Sở Nông nghiệp và môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	Phòng Kinh tế	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã	Theo dự án được thành phố phê duyệt
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia			
1	Cân đối ngân sách của xã dành cho hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với khả năng với ngân sách xã, phân đầu bố trí từ 1- 3% tổng chi ngân sách xã hằng năm	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc xã	Thường xuyên
2	Khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc xã	Các đơn vị liên quan	Sau khi hệ thống dữ liệu được hoàn thành
3	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc xã	Các đơn vị liên quan	Tháng 12/2025

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc xã	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan	Thường xuyên
5	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu, triển khai các sáng kiến mở dữ liệu	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan	Hoàn thành kết nối trong tháng 9/2026
6	Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án 06/CP của Chính phủ	Văn phòng HĐND&UBND	Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc xã	Thường xuyên
7	Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Make in Việt Nam”	Công an xã	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan	Thường xuyên
8	Phối hợp phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn xã	Phòng Văn hoá - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ; Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc xã	Thường xuyên
9	Phối hợp triển khai các nền tảng số dùng chung của thành phố, của ngành, lĩnh vực bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Khai thác	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc xã	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã; phối hợp kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị			
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1	Triển khai các nội dung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 13/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực lĩnh vực công nghệ cao, AI, dữ liệu lớn, năng lượng tái tạo...	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc xã	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Triển khai các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các trường học trên địa bàn xã	Thường xuyên
3	Phối hợp rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các trường học trên địa bàn xã	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Thực hiện chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, địa phương	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc xã	Thường xuyên
5	Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công tác thực hiện Đề án 06/CP và Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc đào tạo kỹ năng số cho Nhân dân	Phòng Văn hoá - Xã hội, Công an xã	Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc xã, đơn vị liên quan	Thường xuyên
V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh			
1	Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số của xã hằng năm	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc xã	Sau khi thành phố ban hành kế hoạch
2	Đảm bảo hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất	Văn phòng HĐND & UBND	Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc xã	Thường xuyên
3	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Các phòng chuyên môn, Trung tâm hành chính công xã	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị liên quan.	Năm 2025 và những năm tiếp theo

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số chuyên dùng (Phần mềm, phần cứng) phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước.	Văn phòng HĐND & UBND	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị liên quan.	Thường xuyên
5	Phối hợp, cung cấp dữ liệu để xây dựng nền tảng số tích hợp của thành phố; cập nhật hệ thống thông tin kinh tế số của thành phố	Phòng Kinh tế	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị liên quan	Thường xuyên
6	Triển khai nền tảng phân tích xử lý dữ liệu tổng hợp, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc hỗ trợ ra quyết định. Triển khai trợ lý ảo cho cán bộ, công chức và người dân.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo
7	Ứng dụng công nghệ thông minh, số hóa dữ liệu thông tin trong quản lý điều hành	Văn phòng HĐND&UBND	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị liên quan	Thường xuyên
8	Phối hợp phát triển hạ tầng số: Thiết lập hạ tầng viễn thông di động mặt đất công nghệ 5G.	Phòng Văn hoá - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ; Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc xã	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
9	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp	Văn phòng HĐND&UBND	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã	Thường xuyên
10	Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.	Công an xã	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị liên quan	Thường xuyên
11	Phối hợp triển khai văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; triển khai bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng theo hướng dẫn của cấp trên	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị liên quan	Theo tiến độ của UBND thành phố
12	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa. Khuyến khích xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Phối hợp xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị liên quan.	Thường xuyên
13	Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế	Công an xã	Các phòng, cơ quan chuyên môn	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng		thuộc UBND xã, đơn vị liên quan.	
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp			
1	Tuyên truyền, triển khai các chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp	Phòng Kinh tế	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử	Phòng Kinh tế	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị liên quan.	Thường xuyên
3	Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số khai thác tốt thị trường chuyển đổi số	Phòng Kinh tế	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị liên quan.	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	trên địa bàn xã, thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa			
VII	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1	Xây dựng kế hoạch cụ thể để nghiên cứu, chuyển giao, hợp tác các địa phương khác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị liên quan	Thường xuyên
2	Tích cực học tập kinh nghiệm, kịp thời ứng dụng các thành tựu phù hợp với thực tiễn và điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của xã; đẩy mạnh hợp về chuyển giao khoa học công nghệ, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc xã; Công an xã	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên